

Số: 198/2020/QĐST-HNGĐ

Hải An, ngày 28 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các **55, 58, 81, 82 và 83** của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Đào Thị Bích L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19 dãy 24 gian, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 4/79 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

2. Anh Phạm Trường Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19 dãy 24 gian, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 4/79 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Bích L và anh Phạm Trường G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 30 tháng 12 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của hai bên và tại phiên hòa giải ngày 18 tháng 9 năm 2020 cho thấy quá trình chung sống giữa chị **L và anh G** phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh chị bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên và Tòa án đã hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết

quả. Việc chị **L và anh G** xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị **L và anh G** về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về con chung: Chị **L và anh G** có 03 con chung là Phạm Tuấn N, sinh ngày 07/02/2010; Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 15/3/2012 và Phạm Ngọc Linh A, sinh ngày 01/11/2017. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung Phạm Tuấn N và Phạm Ngọc Anh T cho anh **G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Phạm Ngọc Linh A cho chị **L** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị **L và anh G** cùng xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị **L và anh G** mỗi người chịu ½ lệ phí theo quy định của pháp luật.

[5] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/9/2020, ghi nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của chị **L và anh G** gồm các nội dung từ [1] đến [4]. Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Bích L và anh Phạm Trường G thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

+ Giao 02 con chung Phạm Tuấn N, sinh ngày 07/02/2010 và Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 15/3/2012 cho anh Phạm Trường G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Giao con chung Phạm Ngọc Linh A, sinh ngày 01/11/2017 cho chị Đào Thị Bích L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị **L** và anh **G** cùng xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **L** và anh **G** mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh, chị đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu số 0017843 ngày 14/9/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An;
- UBND phường Đ, quận N, Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh